

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-6-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hồng.

2. Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **63/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021**, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Cam Xá, xã Cổ Bì, huyện BGi, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Cam Xá, xã Cổ Bì, huyện BGi, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Anh và chị Trần Thị C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Bì, huyện BGi, tỉnh Hải Dương vào ngày

13/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về ở tại nhà cũ của bố mẹ anh ở thôn Cam Xá, xã Cổ Bì, huyện BGi, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh sống hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2014, anh sang Đài Loan làm ăn. Thời điểm đó chị C cũng đã đề cập đến vấn đề ly hôn nhưng vì con còn quá nhỏ nên anh đã không đồng ý. Tháng 6/2015, do điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh và chị C đã thống nhất để chị C sang Đài Loan xuất khẩu lao động nhưng vợ chồng anh mỗi người một nơi, không ở gần nhau. Tháng 10/2015, anh về nước ở cùng con, còn chị C vẫn ở lại Đài Loan làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, hỏi han, động viên nhau cùng cố gắng, chị C thỉnh thoảng cũng gửi tiền về để nuôi con. Nhưng sau này càng thưa thớt dần vì càng ngày vợ chồng càng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị nhưng để cho vợ chồng tự quyết định. Anh cũng đã nhiều lần tìm cách níu kéo, khắc phục mâu thuẫn để con có bố có mẹ nhưng chị C vẫn không đồng ý, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến đầu năm 2018, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, anh chị không còn liên lạc hay chuyện trò gì cùng nhau nữa, kinh tế độc lập không còn liên quan gì đến nhau, chị C cũng không gửi tiền về nuôi con nữa. Năm 2018, chị C cũng đã làm đơn xin ly hôn với anh và gửi về nước cho anh, anh cũng đã chờ chị C về nước để cùng đi làm thủ tục ly hôn nhưng đến nay chị C vẫn không về nước. Hiện nay, chị C đang cư trú, sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể của chị C ở đâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Anh và chị C có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/7/2012. Cháu B ở cùng anh và bà nội từ nhỏ. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Trần Thị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Đ không cung cấp được địa chỉ của chị C tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị C, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị C. Bà Lê Thị H là mẹ đẻ chị C xác định, chị C hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị C nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị C thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản

tổ tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị C biết. Theo bà H cung cấp thì sau khi kết hôn vợ chồng chị C và anh Đ sống cùng nhau tại nhà cũ của bố mẹ anh Đ. Cuối năm 2014, anh Đ sang Đài Loan làm việc. Sau đó đến tháng 6/2015, chị C cũng sang Đài Loan làm ăn nhưng anh Đ và chị C mỗi người một nơi, không ở gần nhau. Tháng 10/2015, anh Đ về nước trước, còn chị C vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Trước đây khi chưa đi nước ngoài, hai vợ chồng ở nhà đã có nhiều mâu thuẫn. Thời điểm đó chị C cũng đã đề cập đến vấn đề ly hôn, nhưng vì con còn quá nhỏ nên anh Đ đã không đồng ý. Sau khi anh Đ ở Đài Loan về thì vợ chồng ngày càng lạnh nhạt với nhau, dần dần không còn liên lạc với nhau nữa. Bà cũng có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ, chị C nhưng vì cả hai đều đã trưởng thành và tự quyết định được cuộc sống của mình nên bà không can thiệp mà để cho hai vợ chồng tự quyết định. Việc anh Đ làm đơn xin ly hôn với chị C, bà cũng đã thông báo cho chị C biết. Quan điểm của chị C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Bà H xác định vợ chồng anh Đ, chị C có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/7/2012, Cháu B ở cùng anh Đ và bà nội từ nhỏ. Chị C có trao đổi với bà là nhất trí để anh Đ tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Đ. Vợ chồng chị C, anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị C; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/7/2012 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng cho con; Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Trần Thị C. Chị C hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không cung cấp được địa chỉ của chị C tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị C cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Đ, chị C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Bi, huyện BGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C. Thông qua gia đình, chị C có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của anh Đ và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Đ xin ly hôn chị C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị C có một con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/7/2012. Hiện Cháu B đang ở với anh Đ. Xét thực tế, chị C đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con

cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị C.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 25/7/2012, thời gian từ tháng 7/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu chị Trần Thị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Trần Thị C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005829 ngày 06/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Trần Thị C vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cổ Bì, huyện BGi, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa